

## QUỸ ETF SSIAM VN30

Số/No. 127 /2021/TB-SSIAM-NVQCÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔIANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
  - Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
  - Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VN30
  - Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV30
  - Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 17/08/2021
  - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
- Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No.	Securities code	Quantity	Weight
I	Chứng khoán/Securities		
1	ACB	3.100	5,9%
2	BID	200	0,5%
3	BVH	100	0,3%
4	CTG	900	1,7%
5	FPT	1.000	5,1%
6	GAS	100	0,5%
7	GVR	200	0,4%
8	HDB	1.500	2,9%
9	HPG	3.300	8,8%
10	KDH	500	1,1%
11	MBB	2.800	4,7%
12	MSN	500	3,6%
13	MWG	400	3,7%
14	NVL	700	3,9%
15	PDR	200	1,0%
16	PLX	200	0,6%
17	PNJ	200	1,0%
18	POW	600	0,4%
19	SAB	100	0,8%
20	SSI	500	1,7%
21	STB	2.300	3,7%
22	TCB	3.100	9,0%
23	TPB	800	1,6%



STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No.	Securities code	Quantity	Weight
<b>I</b>	<b>Chứng khoán/Securities</b>		
24	VCB	500	2,7%
25	VHM	900	5,6%
26	VIC	1.300	7,7%
27	VJC	300	1,9%
28	VNM	1.100	5,3%
29	VPB	2.100	7,4%
30	VRE	1.000	1,5%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash(VND)</b>	<b>98.754.803</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đơn/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	1.765.600.000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	1.864.354.803
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	98.754.803

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	SSI	62.100	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	43.300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4a, Thông tư 210/2012/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	ACB	35.700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
4	FPT	94.600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	MWG	170.100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	PNJ	94.500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
7	TCB	54.000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	TPB	37.100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	VPB	65.600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 17/08/2021	Kỳ trước/Last Period(**) 16/08/2021	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0,00	0,00	0,00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0,00	0,00	0,00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	4.800.000,00	4.800.000,00	0,00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	20.600,00	19.580,00	1.020,00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	89.489.030.572,00	88.465.580.439,00	1.023.450.133,00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1.864.354.803,00	1.843.032.925,00	21.321.878,00
của 1 CCQ/ per Share	18.643,54	18.430,32	213,22
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.494,12	1.500,77	-6,65

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 16/08/2021

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 15/08/2021

Đại diện tổ chức

Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Thị Lệ Hằng